

Bản án số: 161/DS-PT
Ngày: 24/12/2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
chuyển đổi QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Dương Văn Bản và ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỷ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2024/TLPT-DS ngày 04/10/2024, về việc tranh chấp Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 07/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐ-PT ngày 27/11/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Văn S; sinh năm 1947, vắng mặt; uỷ quyền cho anh Lương Văn L; sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị V; sinh năm 1944; vắng mặt

2. Anh Lương Văn T sinh năm 1969; có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tạ Thị V1; sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Chị Tạ Thị T1; sinh năm 1977; có mặt.

3. Ông Lương Văn H; sinh năm 1945; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn D, chức vụ: Chủ tịch UBND xã; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lương Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị V1 (vợ ông S) trình bày:

Khoảng năm 2000, gia đình ông có đổi cho gia đình ông Lương Văn H1, vợ là bà Đỗ Thị V, con trai là Lương Văn T có địa chỉ tại xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thửa đất ruộng để tiện canh tác. Gia đình ông sử dụng thửa 1052, tờ bản đồ địa chính số 6 xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là thửa 1052) có diện tích 360m² của hộ ông H1, bà V. Còn gia đình bà V sử dụng thửa 211 và thửa 212, tờ bản đồ địa chính số 5, bản đồ giải thửa 299 có diện tích là 310m, nay là thửa 1113, thửa 1114, tờ bản đồ địa chính số 5 xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là thửa 1113 và thửa 1114) của gia đình ông. Việc đổi ruộng giữa các bên chỉ thỏa thuận, không làm giấy tờ, gia đình ông vẫn đóng thuế đất hàng năm. Tháng 7/2001, ông kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) nhưng do không biết đất được tách thành 02 thửa 1113 và thửa 1114 nên ông đã kê khai thành thửa 1113 với diện tích 196m. Tuy nhiên, hiện nay trong sổ địa chính và sổ đăng ký ruộng đất thửa 1114 vẫn đứng tên gia đình ông.

Năm 2004, gia đình ông có nhu cầu sử dụng hai thửa đất 1113 và 1114 nên ông đặt vấn đề với gia đình bà V đề nghị trả lại ruộng cho nhau nhưng gia đình bà V không đồng ý, anh T (là con bà V) còn tự ý xây nhà trái phép trên một phần thửa đất 1113.

Nay, ông khởi kiện đề nghị Tòa án buộc gia đình bà V, anh T trả lại thửa 1114 và phần diện tích còn lại của thửa 1113; buộc gia đình bà V, anh T thu hồi toàn bộ cây cối đã trồng trái phép trên phần diện tích còn lại của thửa đất 1113 và 1114.

Đối với diện tích đất 68m² anh T đã đổi cho gia đình ông Lương Văn H, gia đình ông không yêu cầu ông H trả lại, nhất trí để ông H tiếp tục sử dụng và cho anh T sử dụng diện tích đất đã đổi cho ông H ở thửa 1112.

Đối với 49,3m² đất tại thửa 1113 anh T đã xây dựng 1 phần nhà trên đất, gia đình ông nhất trí để cho anh T tiếp tục sử dụng, chỉ yêu cầu anh T trả lại phần đất còn lại của thửa 1113 là 146,7m².

Bị đơn bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T trình bày:

Việc đổi đất ruộng như nguyên đơn trình bày là đúng, nhưng việc đổi đất diễn ra vào năm 1998 và hai bên xác định đổi ruộng vĩnh viễn cho nhau nên gia đình bà V đã cải tạo để xây nhà trên một phần thửa đất 1113 cho vợ chồng anh T ở và trồng cây lâu năm trên đất. Gia đình bà V không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông S. Nếu gia đình ông S muốn lấy lại đất thì phải trả cho anh T một khoản tiền là công đổ đất, tôn tạo đất. Quá trình sử dụng đất năm 2001, anh T đã đổi cho ông Lương Văn H 68m² ở thửa nào không rõ, nay không nhất trí trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị T1 (vợ anh T) trình bày:

Việc đổi ruộng diễn ra từ trước khi chị về nhà anh T làm dâu nên chị không biết. Nay hai bên xảy ra tranh chấp, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà V, anh T và đề nghị Tòa giải quyết theo hướng gia đình ông S cắt lại một phần thửa đất 1113 cho gia đình chị do đã xây nhà ở ổn định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn H trình bày:

Khoảng năm 2001, ông có đổi ruộng với anh T. Theo đó, gia đình ông sử dụng một phần thửa 1114, gia đình anh T sử dụng thửa đất 1112, tờ bản đồ số 5, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có diện tích 68m². Khi đổi chỉ thỏa thuận là đổi vĩnh viễn, không lập thành văn bản và ông không biết nguồn gốc thửa đất này là do gia đình bà V, anh T đổi với gia đình ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 (Chi hội trưởng hội phụ nữ xóm T, xã K) trình bày:

Trước năm 2016, Chi hội phụ nữ xóm đã canh tác thửa ruộng 1052, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã K từ đó đến nay để gây quỹ cho hội.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 07/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn S;

Buộc bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 phải trả cho gia đình ông Lương Văn S, bà Tạ Thị V1 146,7m² tại thửa 1113 và 106,9m² tại thửa 1114, tờ bản đồ số 5 xã K (có tuyên tử cận).

Ông Lương Văn H được sử dụng 62,8m² tại thửa 1114, tờ bản đồ số 5 xã K (có tuyên tử cận).

Anh Lương Văn T và chị Tạ Thị T1 được sử dụng 68m² tại thửa 1112 và 49,3m² tại thửa 1113, tờ bản đồ số 5 xã K (có tuyên tử cận).

Bà Đỗ Thị V được quyền sử dụng thửa 1052, tờ bản đồ số 6 xã K.

Ông Lương Văn S, bà Tạ Thị V1, bà Đỗ Thị V, ông Lương Văn H, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 có trách nhiệm đến UBND có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được điều chỉnh, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 phải tháo dỡ 01 tường rào xây phía ngoài thửa đất 1113 và 1114 có chiều dài 49,21m để trả lại phần đất cho đường dân sinh hiện do UBND xã K quản lý.

Buộc anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 phải thu hoạch toàn bộ cây cối hoa màu đang trồng trên 02 thửa 1113 và thửa 1114 để trả lại đất cho ông Lương Văn S và bà Tạ Thị V1.

Buộc bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T phải liên đới hoàn trả ông Lương Văn S và bà Tạ Thị V1 3.400.000đ tiền thẩm định tại chỗ (đo bằng máy).

Dành quyền khởi kiện vụ án hành chính về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lương Văn T nếu sau này có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/10/2019, bà V và anh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020, Quyết định sửa chữa, bổ sung số 29/2021/QĐ-SCBSBA ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lương Văn S, bà Tạ Thị V1 được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích đất là 192,6m² có các cạnh BEDGG1G2B (có sơ đồ kèm theo). Trong đó có 106,9m² tại thửa 1114 (có các cạnh BEDCC1B) và 68,4m² tại thửa 1113 (có các cạnh CDGG1C) đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã K và 17,3m² nằm ngoài thửa 1113, 1114 giáp mặt đường (có các cạnh BC1CG1G2B).

Bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 được quản lý, sử dụng 153,6m² đất có các cạnh G2G1GHIKLL1G2 (có sơ đồ kèm theo). Trong đó có 127,4m² tại thửa 1113a tờ bản đồ số 5 xã K (có các cạnh G1GHIKG1) và 26,2m² nằm ngoài thửa 1113a giáp mặt đường (có các cạnh G2GIKLL1G2).

Bà Đỗ Thị V được quyền sử dụng 360m² đất tại thửa 1052, tờ bản đồ địa chính số 6 xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 có trách nhiệm thu hoạch toàn bộ cây cối hoa màu đang trồng trên 02 thửa đất 1113 và 1114 đã giao cho ông S, bà V1 để trả lại đất cho ông Lương Văn S và bà Tạ Thị V1.

Bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T phải liên đới hoàn trả ông Lương Văn S và bà Tạ Thị V1 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền thẩm định tại chỗ đo bằng máy.

Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình đối với phần diện tích đất đối giữa ông Lương Văn H với anh Lương Văn T và chị Tạ Thị T1 không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị, cụ thể như sau:

Ông Lương Văn H được quyền sử dụng 62,8m² tại thửa 1114 tờ bản đồ số 5 xã K theo hình ABEFPQRA. Có các phía: Phía tây bắc từ A - B = 5.44m; Phía đông nam từ E - F = 5.05m; phía đông bắc từ B - E = 13.33m; phía tây nam từ F - A = 12.96m.

Anh Lương Văn T và chị Tạ Thị T1 được sử dụng 68m² tại thửa 1112 theo hình LMNIKL gồm các phía: Phía tây bắc từ L - M = 13.35m; phía đông nam từ M - N - I = 16.21m; phía tây nam từ I - K - L = 9.68m

Các bên đương sự có trách nhiệm đến UBND có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Tại Công văn số 602/CCTHADS ngày 23/9/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo thủ tục giám đốc thẩm; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 38/2024/DS-GĐT ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020, Quyết định sửa chữa, bổ sung số 29/2021/QĐ-SCBSBA ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Lương Văn S với bị đơn là bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị V1, chị Tạ Thị T1, ông Lương Văn H, bà Nguyễn Thị T2 về phần quyết định ông Lương Văn S, bà Tạ Thị V1 được quyền quản lý, sử dụng 17,3m² nằm ngoài thửa 1113, 1114 giáp mặt đường (có các cạnh BC1CG1G2B); bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng 26,2m² nằm ngoài thửa 1113a giáp mặt đường (có các cạnh G2G1KLL1G2). Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh kết quả thi hành án của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên chưa thi hành được khoản nào theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình và bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, bà V; Sửa phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân

huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, buộc anh T, chị T1 phải tháo dỡ công trình xây dựng, thu hoạch cây cối tài sản trên 17,3 m² đất phía ngoài thửa 1113, 1114 và 26,2 m² đất phía ngoài thửa đất số 1113a trả lại cho UBND xã K, huyện P quản lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn bà V, anh T kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình đối với diện tích đất đổi giữa ông Lương Văn H với anh Lương Văn T và chị Tạ Thị T1 không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, cụ thể như sau:

Ông Lương Văn H được quyền sử dụng 62,8m² tại thửa 1114 tờ bản đồ số 5 xã K theo hình ABEFPQRA. Có các phía: Phía tây bắc từ A - B = 5.44m; Phía đông nam từ E - F = 5.05m; phía đông bắc từ B - E = 13.33m; phía tây nam từ F - A = 12.96m.

Anh Lương Văn T và chị Tạ Thị T1 được sử dụng 68m² đất tại thửa 1112 theo hình LMNIKL gồm các phía: Phía tây bắc từ L - M = 13.35m; phía đông nam từ M - N - I = 16.21m; phía tây nam từ I - K - L = 9.68m

[3] Phần quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 29/2021/QĐ-SCBSBA ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, cụ thể như sau:

Ông Lương Văn S, bà Tạ Thị V1 được quyền quản lý, sử dụng 106,9m² đất tại thửa 1114 (có các cạnh BEDCC1B) và 68,4m² đất tại thửa 1113 (có các cạnh CDGG1C) đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã K.

Bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 được quản lý, sử dụng 127,4m² tại thửa 1113a tờ bản đồ số 5 xã K (có các cạnh G1GHIKG1).

Bà Đỗ Thị V được quyền sử dụng 357,4m² đất tại thửa 1052, tờ bản đồ địa chính số 6 xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 có trách nhiệm thu hoạch toàn bộ cây cối hoa màu đang trồng trên 02 thửa đất 1113 và 1114 đã giao cho ông S, bà V1 để trả lại đất cho ông Lương Văn S và bà Tạ Thị V1.

Bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T phải liên đới hoàn trả ông Lương Văn S và bà Tạ Thị V1 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền thẩm định tại chỗ đo bằng máy.

[4] Phần án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đã được quyết định trong bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, các đương sự thực hiện nghĩa vụ chịu án phí theo quyết định của bản án phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[5] Đối với phần quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giao ông Lương Văn S, bà Tạ Thị V1 được quyền quản lý, sử dụng 17,3m² đất nằm ngoài thửa 1113, 1114 giáp mặt đường (có các cạnh BC1CG1G2B); bà Đỗ Thị V, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng 26,2m² đất nằm ngoài thửa 1113a giáp mặt đường (có các cạnh G2G1KLL1G2) đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tuyên huỷ để xét xử phúc thẩm lại, nội dung này chưa có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm theo quy định.

Về nội dung:

[6] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo hiện trạng các thửa đất tranh chấp thể hiện: Diện tích đất 17,3m² không thuộc ranh giới theo bản đồ địa chính của thửa 1113, 1114 (sơ đồ là các điểm BC1CG1G2B) và 26,2m² không thuộc ranh giới theo bản đồ địa chính thửa 1113a (sơ đồ là các điểm G2G1KLL1G2). Anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 đã xây dựng bức tường phía ngoài thửa 1114, 1113, 1113^a và phần đất thửa 1112 (nhận đổi của anh H) tiếp giáp với đường dân sinh.

[7] Quan điểm của UBND xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên tại các Biên bản xác minh của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và tại Biên bản làm việc ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thể hiện: Diện tích 17,3m² đất nằm ngoài ranh giới thửa 1113, 1114, tiếp giáp mặt đường dân sinh và 26,2m² đất nằm ngoài thửa 1113a, giáp mặt đường dân sinh, theo trích đo hiện trạng của Tòa án cấp sơ thẩm là đất hành lang giao thông, là đất công do UBND xã K, huyện P quản lý. UBND xã K đề nghị Tòa án buộc các đương sự phải tháo dỡ công trình xây dựng, thu hoạch cây trồng, tài sản trên đất, trả lại phần đất nêu trên cho UBND xã K quản lý theo quy định.

[8] Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 07/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên quyết định: Buộc anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 phải tháo dỡ 01 tường rào xây dài 49,21 mét phía ngoài thửa đất 1113 và 1114 để trả lại phần đất đường dân sinh do UBND xã K quản lý là có căn cứ. Tuy nhiên, anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 đã xây dựng bức tường phía ngoài thửa 1114, 1113, 1113^a và phía ngoài phần đất thửa 1112 (nhận đổi của anh H) tiếp giáp với đường dân sinh, ngoài phần tường xây còn có cây trồng và các tài sản khác trên phần diện tích đất 17,3 m² tiếp giáp thửa 1113, 1114 và 26,2m² đất tiếp giáp thửa 1113a giao cho bà V, anh T sử dụng theo thoả thuận

của các đương sự tại bản án dân sự phúc thẩm số 40/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của TAND tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, cần sửa phần quyết định của án sơ thẩm, buộc anh T, chị T1 phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng, thu hoạch cây trồng, tài sản trên đất, trả lại phần đất công tiếp giáp giữa thửa 1114, 1113, 1113^a, 1112 với đường dân sinh cho UBND xã K quản lý theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà V, anh T; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên như sau:

2. Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 217 Luật đất đai năm 2024; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc anh Lương Văn T, chị Tạ Thị T1 phải tháo dỡ công trình xây dựng, thu hoạch cây trồng, tài sản trên đất, trả lại phần đất công tiếp giáp giữa thửa 1114, 1113, 1113^a, 1112, tờ bản đồ địa chính số 5 xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với đường dân sinh cho UBND xã K quản lý theo quy định (sơ đồ chi tiết kèm theo là các điểm B,C1,C,G1,K,L,M,M3,L1,G2,B).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Quý Sửu